

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ
BROTHERHOOP VIỆT NAM**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ BROTHERHOOP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BROTHERHOOP VIETNAM
INTERNATIONAL MANUFACTURING & IMPORT EXPORT COMPANY
LIMITED

Tên công ty viết tắt: BROTHERHOOP VIETNAM INTERNATIONAL CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109510986

3. Ngày thành lập: 27/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7, Lô 7, Đường Đền Lừ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904459555 - 0984333335

Fax:

Email: dongnam037@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
4.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
5.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
6.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
7.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
8.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Loại trừ hoạt động sản xuất vàng)	2420
9.	Đúc sắt, thép	2431
10.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
11.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
14.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Loại trừ: Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại	2599
15.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
16.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

17.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
18.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
19.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
20.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	3290
21.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22.	Sửa chữa thiết bị khác (Trừ loại Nhà nước cấm)	3319
23.	Xây dựng nhà để ở	4101
24.	Xây dựng nhà không để ở	4102
25.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
26.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27.	Xây dựng công trình điện	4221
28.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
29.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
30.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
31.	Xây dựng công trình thủy	4291
32.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
33.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
35.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
40.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
41.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
42.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Loại trừ Đấu giá	4610
43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Loại trừ bán buôn được phẩm	4649

44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế (Trừ loại nhà nước cấm)	4659
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt thép (Trừ hoạt động bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
48.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4711
50.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ vàng bạc; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào)	4773

53.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4784
54.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ: Hoạt động đầu giá; Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Kinh doanh vàng miếng)	4789
55.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ Đầu giá)	4791
56.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ Đầu giá)	4799
57.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
58.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Loại trừ hợp báo)	8230
59.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh Loại trừ hoạt động đầu giá.	8299
61.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
62.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ THANH BÌNH	Số nhà 21, Ngõ 52 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100.000.000	10,000	186429495	

2	NGUYỄN CÔNG ĐỒNG	Số nhà 21, Ngõ 52 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	900.000.000	90,000	182272827	
---	------------------------	--	-------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG ĐỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 21/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 182272827

Ngày cấp: 06/09/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 21, Ngõ 52 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 21, Ngõ 52 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội